

Số: 69 /2017/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng
đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị ngày 20 tháng 7 năm 2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1194/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch vùng Tây nguyên đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 7678 /TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050.

(Đính kèm nội dung chính của đồ án quy hoạch).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ, thủ tục báo cáo Bộ Xây dựng thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng theo quy định.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa IX, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư Pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTTU, TT.HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP.TU, VP.HĐND, VP.UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo LĐ “để đưa tin”;
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh “để đăng”;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VP, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Trần Đức Quận



NỘI DUNG CHÍNH

ĐỒ AN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG TỈNH LÂM ĐỒNG ĐẾN NĂM 2035 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 69 /2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

1. Phạm vi lập quy hoạch

Phạm vi nghiên cứu trực tiếp: Toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Lâm Đồng, với tổng diện tích tự nhiên là 9.773,54 km², dân số 1.285.943 người (năm 2016); bao gồm 02 thành phố: Đà Lạt, Bảo Lộc và 10 huyện (Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Đam Rông, Di Linh, Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Tẻh và Cát Tiên). Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Ninh Thuận.
- Phía Tây giáp tỉnh Đắk Nông và tỉnh Bình Phước.
- Phía Nam giáp tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Thuận.
- Phía Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk.

2. Mục tiêu phát triển

- Xây dựng và phát triển vùng tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 trở thành vùng kinh tế động lực trong vùng Tây Nguyên, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, theo hướng hiện đại.

- Là trung tâm nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tầm quốc gia và quốc tế, phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản.

- Phát triển ngành du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch canh nông và du lịch văn hóa - di sản, danh lam thắng cảnh tầm cỡ quốc gia và quốc tế.

- Phát triển hệ thống đô thị - nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh, khả thi và phù hợp với xu thế hội nhập, sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển các không gian đô thị, làng đô thị xanh, không gian du lịch, không gian sản xuất nông nghiệp hài hòa với không gian cảnh quan rừng đặc trưng và không gian bảo tồn đa dạng sinh học của vùng cao nguyên.

- Phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, làm cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của cả vùng.

- Quốc phòng, an ninh được đảm bảo.

3. Tính chất

- Là vùng kinh tế động lực của vùng Nam Tây Nguyên; vùng bảo tồn rừng cảnh quan, tài nguyên nước và đa dạng sinh học của vùng Tây Nguyên, vùng Đông nam bộ và quốc gia; bảo vệ đầu nguồn hệ thống sông Đồng Nai, sông Sêrêpôc, sông Lũy, sông Cái Phan Rang.

- Đầu mối giao thương quốc tế của vùng và quốc gia; nằm giữa 3 vùng kinh tế trọng điểm quốc gia: vùng Tây Nguyên, vùng thành phố Hồ Chí Minh và vùng Duyên hải Nam Trung bộ; đầu mối giao thông đường bộ quan trọng của vùng Nam Tây Nguyên.

- Là vùng đặc thù về nông nghiệp chuyên canh; trung tâm nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tầm quốc gia và quốc tế; trung tâm công nghiệp chế biến nông lâm sản và khoáng sản; trung tâm dịch vụ - du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch canh nông và du lịch văn hóa - di sản, danh lam thắng cảnh tầm quốc gia và quốc tế; trung tâm giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ đa ngành tầm quốc gia; trung tâm nghiên cứu hạt nhân, sinh học cấp quốc gia; trung tâm chăm sóc sức khỏe cấp quốc tế.

- Vùng có vị trí quan trọng về quốc phòng và an ninh đối với Tây nguyên và cả nước.

4. Các dự báo phát triển vùng

a) Dự báo dân số, tỷ lệ đô thị hóa:

- Đến năm 2025: Dân số toàn tỉnh khoảng 1.430.000 - 1.450.000 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 54%.

- Đến năm 2035: Dân số toàn tỉnh khoảng 1.650.000 - 1.660.000 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 55%.

- Đến năm 2050: Dân số toàn tỉnh khoảng 2.100.000 - 2.115.000 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 56%.

b) Dự báo nhu cầu sử dụng đất:

- Đất xây dựng đô thị: Đến năm 2025 khoảng 14.000 - 16.000 ha; đến năm 2035 khoảng 18.000 - 20.000 ha, đến năm 2050 khoảng 22.000 - 25.000 ha.

- Đất khai thác du lịch: Đến năm 2025 khoảng 8.000 - 10.000 ha, đến năm 2035 khoảng 12.000 - 15.000 ha.

- Đất xây dựng khu dân cư nông thôn: Đến năm 2025 khoảng 9.000 - 9.500 ha, đến năm 2035 khoảng 9.500 - 10.000 ha.

5. Định hướng phát triển không gian vùng

a) Phân vùng phát triển kinh tế: Vùng tỉnh Lâm Đồng được phân thành 3 tiểu vùng phát triển kinh tế như sau:

- Tiểu vùng I:

+ Phạm vi và tính chất: thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận là vùng phát triển kinh tế động lực của tỉnh bao gồm thành phố Đà Lạt, huyện Lạc Dương, huyện Đơn Dương, huyện Đức Trọng và một phần huyện Lâm Hà. Là Trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế - văn hóa, khoa học - kỹ thuật của tỉnh Lâm Đồng; trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp và du lịch văn hóa di sản tầm quốc gia, khu vực và quốc tế; trung tâm nghiên cứu sản xuất nông nghiệp

công nghệ cao cấp quốc gia và quốc tế; trung tâm nghiên cứu khoa học, giáo dục - đào tạo và chuyển giao công nghệ đa ngành cấp quốc gia; Trung tâm bảo tồn rừng cảnh quan và đa dạng sinh học cấp quốc gia; trung tâm thương mại dịch vụ, hội chợ triển lãm; trung tâm văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao và giải trí cấp vùng; có vị trí quan trọng về quốc phòng và an ninh đối với khu vực Tây Nguyên và cả nước. Trong đó thành phố Đà Lạt là đô thị trung tâm vùng tỉnh Lâm Đồng, trung tâm du lịch cấp quốc gia và trung tâm chuyên ngành cấp vùng Tây Nguyên.

+ Định hướng phát triển: Phát triển thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận theo mô hình chuỗi các đô thị liên kết theo tuyến vành đai và xuyên tâm; kết nối với các vùng du lịch sinh thái, các vùng cảnh quan rừng, cảnh quan nông nghiệp; phát triển bền vững; bảo tồn và phát huy tính đặc thù về tự nhiên và văn hóa - lịch sử.

- Tiểu vùng II:

+ Phạm vi và tính chất: Là vùng kinh tế nông nghiệp và dịch vụ bao gồm huyện Di Linh, huyện Đam Rông và phía Tây huyện Lâm Hà, trong đó thị trấn Di Linh là trung tâm của tiểu vùng.

+ Định hướng phát triển: Phát triển đô thị dọc theo quốc lộ 20 và phía Bắc quốc lộ 27, hạt nhân là thị trấn Di Linh. Phát triển vùng chuyên canh theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao. Phát triển thương mại dịch vụ ở thị trấn Di Linh, thị trấn Đinh Văn, xã Đạ Rsal, các cụm công nghiệp, làng nghề truyền thống, du lịch sinh thái rừng, du lịch điều dưỡng.

- Tiểu vùng III:

+ Phạm vi và tính chất: Là vùng động lực kinh tế phía Tây Nam tỉnh Lâm Đồng bao gồm thành phố Bảo Lộc và các huyện: Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Tẻh và Cát Tiên; trong đó, thành phố Bảo Lộc là trung tâm của tiểu vùng.

+ Định hướng phát triển: Phát triển vùng đô thị Bảo Lộc và vùng phụ cận trên trục quốc lộ 20, quốc lộ 55 và vùng đô thị phía Tây trên quốc lộ 20, ĐT.721. Phát triển chủ yếu công nghiệp nhẹ (chế biến nông sản, dệt may, tơ tằm, công nghiệp phụ trợ, khai thác và chế biến sản phẩm sau khai khoáng). Phát triển thương mại dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch sinh thái rừng. Các vùng chuyên canh theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao (chè, cà phê, dâu tằm, cây ăn quả, lúa, dược liệu), gắn sản xuất với công nghiệp chế biến và bảo quản sau thu hoạch. Bảo tồn đa dạng sinh học trong vườn quốc gia Cát Tiên, hành lang đa dạng sinh học phía Bắc của tiểu vùng.

b) Cấu trúc không gian vùng:

- Các trục hành lang kinh tế trọng điểm:

- + Trục hành lang kinh tế đô thị quốc gia quốc lộ 20 và cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt.
- + Trục hành lang kinh tế đô thị quốc gia quốc lộ 27.
- + Trục hành lang quốc lộ 28.
- + Trục hành lang quốc lộ 55.
- + Trục hành lang quốc lộ 55B dự kiến từ tỉnh Bình Thuận - tỉnh Lâm Đồng - tỉnh Bình Phước.
- Các vùng đô thị - công nghiệp tập trung:
 - + Vùng đô thị - công nghiệp thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận.
 - + Vùng đô thị - công nghiệp thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận.
 - + Vùng đô thị Di Linh.
 - + Tuyến đô thị dọc quốc lộ 27.
 - + Tuyến đô thị Đạ Huoai - Đạ Tẻh - Cát Tiên.
- Các vùng cảnh quan và không gian mở:
 - + Các khu vực vườn quốc gia và hành lang bảo tồn đa dạng sinh học tại các huyện: Lạc Dương, Cát Tiên, Lâm Hà, Bảo Lâm,...
 - + Các tuyến cảnh quan không gian mở dọc các sông, suối chính, như các sông: Đồng Nai, Đa Nhim, Đạ Dâng, Đạ Rsal, Đại Bình, Đạ Quay; suối Cam Ly,...
 - + Các vùng cảnh quan mặt nước các hồ: Tuyên Lâm, Đankia - Suối Vàng, Đại Ninh, Đơn Dương, Đạ Tẻh, Kala, ...
- c) Định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa tỉnh:
 - Dự báo hệ thống đô thị:
 - + Đến năm 2025: Toàn tỉnh có 18 đô thị, trong đó: 01 đô thị loại I (thành phố Đà Lạt), 01 đô thị loại II (thành phố Bảo Lộc), 06 đô thị loại IV (Đức Trọng, Thạnh Mỹ, Đinh Văn, Di Linh, Lộc Thắng, Mađaguôi) và 10 đô thị loại V (Lạc Dương, Đ'ran, Bằng Lăng, Đạ Rsal, Nam Ban, Hòa Ninh, Đạ M'ri, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Phước Cát).
 - + Năm 2035: Toàn tỉnh có 18 đô thị, trong đó 01 đô thị loại I (thành phố Đà Lạt), 01 đô thị loại II (thành phố Bảo Lộc), 02 đô thị loại III (đô thị Đức Trọng, Di Linh), 06 đô thị loại IV (Thạnh Mỹ, Đinh Văn, Nam Ban, Lộc Thắng, Mađaguôi, Đạ Tẻh), 8 đô thị loại V (Lạc Dương, Đ'ran, Bằng Lăng, Đạ Rsal, Hòa Ninh, Đạ M'ri, Cát Tiên, Phước Cát). Phát triển 02 thị tứ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V (Lộc Phú huyện Bảo Lâm; Tân Hà huyện Lâm Hà).
 - Định hướng hệ thống đô thị:

+ Đô thị trung tâm vùng tỉnh: Thành phố Đà Lạt là đô thị loại I đáp ứng các tiêu chí của thành phố trực thuộc Trung ương, cực tăng trưởng quan trọng của vùng kinh tế Nam Tây nguyên.

+ Đô thị trung tâm tiểu vùng:

Thành phố Bảo Lộc là đô thị hạt nhân vùng phía Nam của tỉnh Lâm Đồng. Trung tâm công nghiệp chế biến nông lâm sản, dệt may, khoáng sản. Trung tâm du lịch sinh thái, chăm sóc sức khỏe cấp vùng và quốc gia. Trung tâm nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Đô thị Di Linh là trung tâm hành chính, chính trị của huyện Di Linh. Trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng, trung chuyển hàng hóa trong tỉnh và vùng Tây Nguyên, vùng duyên hải Nam Trung bộ.

+ Đô thị theo chức năng tổng hợp: gồm đô thị Đức Trọng, Lạc Dương, Thạnh Mỹ, Đinh Văn, Lộc Thắng, Madaguôi, Đa Têh, Cát Tiên, Bằng Lăng. Trong đó đô thị Đức Trọng là cửa ngõ giao thương quốc tế của vùng và quốc gia; trung tâm nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tầm quốc gia và quốc tế; trung tâm công nghiệp dược, mỹ phẩm cấp vùng.

+ Đô thị chuyên ngành, đô thị mới cấp huyện: đô thị Nam Ban, Đ'ran, Đa M'ri, Hòa Ninh, Phước Cát, Đa Rsal.

d) Định hướng phát triển các điểm dân cư nông thôn:

- Phát triển dân cư nông thôn theo mô hình nông thôn mới. Phát huy thế mạnh riêng của từng vùng để phát triển mô hình kinh tế nông thôn khác nhau của từng vùng huyện, thành phố và khu vực.

- Xây dựng mô hình làng đô thị xanh, cải tạo chỉnh trang và xây dựng mới các điểm dân cư nông thôn, giữ gìn bản sắc văn hóa gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao,... các điểm dân cư nông thôn gắn với các vùng sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, vùng hạ lũ tại hạ lưu các sông: Đa Dâng, La Ngà, Đa Nhim,...

e) Định hướng phát triển công nghiệp:

- Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh, khai thác tài nguyên và nguồn nhân lực tại chỗ, xây dựng các nhóm hàng hóa chủ lực. Hướng đến sản xuất các sản phẩm có thương hiệu đặc trưng, tham gia vào chuỗi xuất khẩu và chuỗi cung ứng của vùng Tây Nguyên, khu vực và quốc tế.

- Các vùng công nghiệp tập trung:

+ Vùng công nghiệp Đức Trọng - Di Linh: Công nghiệp chế biến nông lâm sản, đồ uống, hóa chất, dược mỹ phẩm; công nghiệp công nghệ cao, điện tử; dệt may da giày, hàng tiêu dùng. Phát triển thành trung tâm sản xuất dược mỹ phẩm lớn của cả nước.

+ Vùng công nghiệp Bảo Lộc - Bảo Lâm: công nghiệp chế biến nông lâm sản, khai thác và chế biến sâu sản phẩm sau khai khoáng, dệt may, vật liệu xây dựng. Định hướng thành phố Bảo Lộc là trung tâm thời trang tơ lụa tầm cỡ quốc gia, hội nhập với thời trang trong khu vực và trên thế giới.

+ Vùng công nghiệp Đà Lạt: cụm công nghiệp Phát Chi, Ka Đô, chủ yếu là công nghiệp chế biến nông sản, đồ uống, hàng tiêu dùng.

- Các cụm công nghiệp khác: cụm công nghiệp Đạ Oai, Đạ Rsal, chủ yếu là công nghiệp chế biến nông lâm sản, cơ khí,...

f) Định hướng phát triển các vùng du lịch:

Phát triển du lịch trong tổng thể quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Tây Nguyên và tăng cường liên kết với vùng thành phố Hồ Chí Minh, Duyên hải Nam Trung bộ, các vùng có tiềm năng khác trên cả nước.

Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, có trọng tâm, trọng điểm, khẳng định thương hiệu và khả năng cạnh tranh. Xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành trung tâm du lịch chất lượng cao, mang tầm quốc gia và quốc tế.

- Trung tâm du lịch quốc gia - quốc tế: bao gồm thành phố Đà Lạt, huyện Lạc Dương, một phần các huyện: Đức Trọng, Đơn Dương, Lâm Hà. Trong đó địa bàn trọng điểm là thành phố Đà Lạt được gắn với khu vực hồ Tuyền Lâm và hồ Đan Kia - Suối Vàng.

- Cụm du lịch cấp vùng:

+ Cụm du lịch Đức Trọng.

+ Cụm du lịch Bảo Lộc - Di Linh.

+ Cụm du lịch Đạ Huoai - Cát Tiên.

- Các sản phẩm du lịch:

Sản phẩm du lịch chính, có tính cạnh tranh cao, đặc trưng mang thương hiệu du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng:

+ Du lịch nông nghiệp.

+ Du lịch thể thao.

+ Du lịch mạo hiểm.

Sản phẩm du lịch truyền thống và có lợi thế của tỉnh:

+ Du lịch vui chơi giải trí cao cấp.

+ Du lịch nghỉ dưỡng.

+ Du lịch sinh thái.

+ Du lịch tham quan, tổ chức hội nghị, hội thảo.

+ Du lịch sự kiện - lễ hội, du lịch tâm linh.

- Tuyên du lịch nội vùng và liên kết vùng:

+ Du lịch nội vùng: Tuyến du lịch xuất phát từ thành phố Đà Lạt đi thành phố Bảo Lộc và các huyện và tuyến du lịch xuất phát từ thành phố Bảo Lộc và các huyện trong tỉnh.

+ Du lịch liên kết vùng trong nước: Vùng Tây Nguyên - Duyên hải Nam Trung bộ - vùng thành phố Hồ Chí Minh - vùng đồng bằng sông Cửu Long - các tỉnh phía Bắc.

+ Tuyến du lịch quốc gia - quốc tế: du lịch quốc tế bằng đường bộ và hàng không hướng các nước trong khu vực Đông Nam Á và thế giới,...

g) Định hướng phát triển vùng nông nghiệp:

Phát triển ngành nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành. Lâm Đồng là trung tâm nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao của cả nước; vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa có giá trị cao trên thị trường quốc tế. Trọng tâm là 04 mục tiêu cần hướng đến: (i) xây dựng thương hiệu số một Việt Nam, (ii) xây dựng cụm sản xuất rau hoa số một Đông Nam Á, (iii) xây dựng điểm du lịch nông nghiệp số một Việt Nam, (iv) hình thành trung tâm đào tạo nhân lực và nghiên cứu nông nghiệp chủ lực tại Tây Nguyên.

Hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao, các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với phát triển làng hoa, làng nghề truyền thống, xây dựng làng đô thị xanh và phát triển các mô hình du lịch nông nghiệp.

- Vùng nông nghiệp:

+ Vùng chuyên canh rau, hoa ở Đà Lạt, Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương, Lâm Hà, sản xuất nấm thực phẩm cao cấp và nấm dược liệu. Vùng trồng lúa ở Cát Tiên, Đạ Tẻh, Lâm Hà.

+ Vùng chuyên canh chè ở Bảo Lâm, Bảo Lộc, Di Linh, Đạ Huoai, Đà Lạt, Lâm Hà, Đạ Tẻh. Vùng chuyên canh cà phê: cà phê vối tại Di Linh, Bảo Lâm, Lâm Hà, Đức Trọng, Bảo Lộc, cà phê chè tại Lạc Dương, Đam Rông, Lâm Hà, Đà Lạt, vùng trồng cà phê công nghệ cao. Trồng cây mắc ca ở Di Linh, Lâm Hà, Bảo Lâm, Đức Trọng, Đơn Dương, Đam Rông, Bảo Lộc.

+ Vùng trồng cây ăn quả ở Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh. Vùng chuyên canh dâu tằm ở Lâm Hà, Cát Tiên, Đạ Tẻh, thành phố Bảo Lộc.

+ Vùng trồng dược liệu: thành phố Đà Lạt, huyện Lạc Dương, Đơn Dương với độ cao từ 1.000m trở lên, trồng cây di thực; các huyện và thành phố Bảo Lộc trở lên phía Đà Lạt trồng Đinh lăng, đương quy,...; huyện Đạ Tẻh, Đạ Huoai và Cát Tiên trồng bạc hà, diệp hạ châu,...

- Vùng chăn nuôi:

+ Phát triển chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại công nghiệp, trong đó chăn nuôi bò sữa tập trung ở Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lâm, Bảo Lộc; bò thịt ở Đam Rông, Lâm Hà, Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh,

Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Bảo Lộc. Chăn nuôi heo ở Đam Rông, Lâm Hà, Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh, Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Đà Lạt, Bảo Lộc. Khuyến khích hình thành các cơ sở chuyên sản xuất giống.

+ Chăn nuôi gia cầm quy mô trang trại, không khuyến khích phát triển đàn thủy cầm; tập trung tại Lâm Hà, Bảo Lâm, Đam Rông, Đức Trọng, Đơn Dương, Di Linh, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên.

+ Phát triển vùng trồng cây thức ăn thô xanh phục vụ chăn nuôi bò sữa và bò thịt ở Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lâm, Đam Rông, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Bảo Lộc.

- Vùng phát triển lâm nghiệp: duy trì và bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có; tiếp tục trồng mới, chăm sóc rừng trồng theo mục tiêu khai thác, kinh doanh có hiệu quả rừng sản xuất, gắn kết giữa trồng rừng sản xuất với chế biến tinh, tạo nhiều sản phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, các công ty lâm nghiệp tiếp tục xây dựng và thực hiện quản lý rừng bền vững để được cấp chứng nhận về quản lý rừng (FSC).

6. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội:

a) Phân bố hệ thống giáo dục đào tạo:

- Trung tâm giáo dục - đào tạo cấp vùng, cấp quốc gia tại thành phố Đà Lạt và phụ cận: bao gồm Trường Đại học Yersin Đà Lạt, Đại học Đà Lạt, Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở tại Đà Lạt), Học viện Lục Quân,... Xây dựng Làng đại học quốc tế tại huyện Lạc Dương.

- Trung tâm giáo dục - đào tạo cấp vùng tại thành phố Bảo Lộc: Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Nguyễn Tất Thành (cơ sở Bảo Lộc).

- Trung tâm giáo dục đào tạo nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học tại huyện Đơn Dương, Đức Trọng.

b) Phân bố hệ thống y tế vùng:

- Xây dựng Bệnh viện đa khoa quốc tế và khu điều dưỡng cao cấp chủ yếu tại Bảo Lộc và bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp vùng tại Thạnh Mỹ. Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng thành Bệnh viện hiện đại, đủ khả năng phục vụ cho toàn vùng Tây nguyên.

- Thành lập Trung tâm chuẩn đoán y học kỹ thuật cao, Trung tâm y học hạt nhân và xạ trị khu vực Tây Nguyên tại thành phố Bảo Lộc.

c) Phân bố hệ thống văn hóa, thể dục thể thao vùng:

- Xây dựng mới trung tâm Văn hóa nghệ thuật tại Đà Lạt, Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao cấp quốc gia xây dựng mới tại khu du lịch Đankia - Suối Vàng, Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao tỉnh, các công viên thể dục thể thao cấp vùng tại thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc và đô thị Đức Trọng.

- Xây dựng Sân vận động tại thành phố Bảo Lộc đạt tiêu chuẩn thi đấu cấp vùng Tây nguyên, Khu liên hợp thể thao tại thành phố Bảo Lộc.

d) Phân bố hệ thống thương mại dịch vụ:

- Hình thành các trung tâm thương mại cao cấp và phát triển hỗn hợp cấp vùng tại thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc, khu thương mại cao cấp Đankia - Đà Lạt, trung tâm thương mại, khu phi thuế quan tại đô thị Đức Trọng, trung tâm hội chợ triển lãm tại Thạnh Mỹ.

- Xây dựng trung tâm thương mại cấp tỉnh tại thị trấn Madaguôi, đô thị Di Linh, thị trấn Nam Ban (huyện Lâm Hà). Xây dựng Chợ đầu mối nông sản tại Đức Trọng; trung tâm giao dịch hoa tại thành phố Đà Lạt.

đ) Phân bố hệ thống trung tâm nghiên cứu:

- Trung tâm nghiên cứu cấp vùng và quốc gia: Viện sinh học Tây nguyên; Trung tâm nghiên cứu khoai tây, rau và hoa (thuộc Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Miền Nam); Viện Pasteur Đà Lạt; Viện nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt,...

- Trung tâm nghiên cứu cấp vùng: hình thành Khu công nghệ thông tin tập trung và Trung tâm nghiên cứu, phát triển và bảo tồn giống hoa, cây cảnh tại Đà Lạt; Khu công nghệ sinh học và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đà Lạt (xã Đạ Sar, huyện Lạc Dương).

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu liên kết vùng, để đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 và đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Phát triển hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối thuận lợi với các vùng kinh tế trọng điểm, trong đó ưu tiên phát triển hệ thống giao thông đối ngoại, các trục giao thông kết nối các phân vùng kinh tế và hệ thống giao thông đô thị.

- Hoàn thiện hệ thống cấp và thoát nước đảm bảo nhu cầu sử dụng sinh hoạt và sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hình thành các khu xử lý chất thải rắn có công nghệ hiện đại, phù hợp, đảm bảo xu hướng tăng trưởng xanh, bền vững.

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Khu vực hạn chế xây dựng:

Cấm xây dựng trong khu vực rừng đặc dụng của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang, vườn quốc gia Cát Tiên, rừng phòng hộ đầu nguồn, khu vực hành lang bảo vệ dọc sông Krông Nô, Đồng Nai, Đa Nhim, Đạ Dâng, các hồ thủy điện để bảo vệ đa dạng sinh học, nguồn tài nguyên nước. Hạn chế xây dựng ở khu vực ven sông có nguy cơ sạt lở, nền đất không ổn định.

- Cao độ nền đất xây dựng:

+ Cao độ khống chế nền xây dựng của các đô thị phải đảm bảo không bị ngập lụt, giữ được cảnh quan thiên nhiên, hạn chế đào đắp nhiều và tạo địa hình thoát nước tốt cho đô thị.

+ San nền cục bộ bám theo địa hình tự nhiên nhằm hạn chế khối lượng đào đắp, phá vỡ địa hình. Khu vực đất thấp trũng ở huyện Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên thì san nền cục bộ đối với các khu vực xây dựng hiện hữu, san lấp tập trung tại các khu xây dựng mới. Căn cứ vào cốt nền đường hiện hữu quốc lộ 20, ĐT.721 để lựa chọn cao độ san nền phù hợp cho từng khu vực.

- Thoát nước mặt:

+ Đối với các đô thị hiện tại đã có mạng lưới thoát nước chung ở các khu trung tâm. Trong tương lai cần cải tạo, nâng cấp và xây dựng hệ thống công để thu gom nước thải dẫn về trạm xử lý trước khi đổ vào sông, hồ.

+ Các khu vực xây dựng mới với mật độ cao, khu vực thành phố, các khu công nghiệp cần xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Nước mưa được thoát trực tiếp ra kênh rạch, nước thải được thu gom về trạm xử lý để đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Các thị trấn tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương có các giải pháp khác nhau để xác định hệ thống thoát nước riêng, nửa riêng hay chung nhưng cũng phải có các biện pháp thu gom nước thải để xử lý trước khi xả ra môi trường.

+ Đối với các điểm dân cư nhỏ lẻ xây dựng với mật độ thấp có thể xây dựng hệ thống thoát nước chung giữa nước thải và nước mưa nhưng nước thải phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại hoặc hồ sinh vật đảm bảo chất lượng nước được xử lý đạt chuẩn theo quy định, tuy nhiên vị trí các điểm thoát nước sau khi xử lý cần tránh nguồn cấp nước sinh hoạt, nạo vét các sông, kênh, rạch gần khu vực để thoát nước.

- Định hướng chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn:

+ Đối với các điểm dân cư nông thôn có địa hình thấp cần phải tôn nền chống ngập nhưng chủ yếu là san đắp cục bộ khu vực xây dựng. Đối với khu vực có địa hình cao không bị ngập lụt chỉ san đắp tạo hướng dốc thoát nước, cân bằng đào đắp tại chỗ.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước chung, không lấp sông suối, vùng trũng, cần tạo hồ chứa nước vào mùa lũ, chống hạn vào mùa khô.

- Phòng chống thiên tai, phòng chống lũ:

+ Kè các khu vực thường xuyên trượt lở trên các đường giao thông, vị trí các đoạn bờ sông đã bị xói lở.

+ Kè các khu vực sườn dốc chống trượt lở, đá lăn khi san mặt bằng xây dựng đô thị và các điểm dân cư, các đường giao thông.

+ Tuyên truyền cảnh báo cho cộng đồng dân cư các vùng có nguy cơ cao về lũ bùn, trượt lở, lũ quét ở các nhánh suối.

+ Tăng cường quản lý và trồng rừng đầu nguồn để chống xói lở và lũ quét, cải tạo đất trồng đồi núi trọc, tăng độ che phủ rừng phòng hộ đầu nguồn.

b) Giao thông:

- Đường bộ:

Đường cao tốc: đường cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt có chiều dài khoảng 209 km, trong đó, đoạn qua địa phận tỉnh Lâm Đồng khoảng 139,2km với 4 làn xe.

Quốc lộ:

+ Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện các tuyến: Quốc lộ 20, quốc lộ 27, quốc lộ 27C, quốc lộ 28, quốc lộ 28B, quốc lộ 55.

+ Đầu tư xây dựng, nâng cấp đường ĐT.721 thành tuyến quốc lộ 55B.

+ Đường Trường Sơn Đông: đoạn qua địa phận Lâm Đồng tiếp tục đầu tư để thông xe toàn tuyến. Nâng cấp toàn tuyến ĐT.725, kết hợp với mở mới một vài đoạn để thành đường Trường Sơn Đông nối dài (tuyến kết nối từ quốc lộ 55B (tại Đa Tẻh), quốc lộ 55, quốc lộ 28, quốc lộ 27, mở mới tuyến từ quốc lộ 27 đến thị trấn Nam Ban, theo đường tránh phía Tây thành phố Đà Lạt kết nối với đường Trường Sơn Đông).

Các tuyến tỉnh lộ:

+ Cải tạo, nâng cấp các tuyến tỉnh lộ: ĐT.722, ĐT.726, ĐT.727, ĐT.728 và ĐT.729.

+ Đầu tư xây dựng mới các tuyến tỉnh lộ từ Di Linh đi Lâm Hà và tuyến kết nối từ Quốc lộ 20 (tại điểm giao với đường vành đai đô thị Di Linh) lên phía Bắc nối vào giao lộ Trường Sơn Đông nối dài và ĐT.726.

+ Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống giao thông đô thị theo các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt. Trong đó, ưu tiên đầu tư xây dựng các tuyến đường tránh quốc lộ qua đô thị, các tuyến đường vành đai đô thị để hạn chế giao thông đối ngoại đi xuyên qua đô thị, đảm bảo an toàn giao thông.

- Đường sắt:

+ Đường sắt quốc gia: Khôi phục tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt, chiều dài 84km.

+ Đường sắt đô thị: Quy hoạch 6 tuyến đường sắt đô thị bằng Monorail phục vụ du lịch trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

- Mạng lưới vận tải:

+ Đường cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt thành một nhánh của mạng lưới đường bộ các nước tiêu vùng Mê Kông mở rộng.

+ Quốc lộ 27 và quốc lộ 27C thành một nhánh trong tuyến du lịch từ Thái Lan qua Lào, Việt Nam tại cửa khẩu Bờ Y tỉnh Kon Tum. Từ Kon Tum đi Đắk

Lắc (qua quốc lộ 14), đi Đà Lạt (qua quốc lộ 27) và đến Nha Trang (qua quốc lộ 27C).

+ Phát triển tuyến du lịch quốc tế từ Mônglukiri (Campuchia) - Gia Nghĩa (Đắk Nông) theo quốc lộ 28 đến Di Linh (Lâm Đồng) và Phan Thiết (Bình Thuận).

- Đường hàng không:

+ Nâng cấp cảng hàng không Liên Khương đạt tiêu chuẩn 4E; mở các đường bay từ Liên Khương đi các nước (và ngược lại) Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Singapore,...

+ Sân bay quân sự Cam Ly (Đà Lạt), Lộc Phát (Bảo Lộc).

+ Giao thông thông minh: trên cơ sở phát triển giao thông thông minh tại đề án xây dựng Đà Lạt trở thành thành phố thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến 2025 để nhân rộng mô hình giao thông thông minh tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.

c) Cấp nước:

- Nguồn nước: Cân đối và sử dụng hiệu quả các nguồn nước mặt, đặc biệt là các nguồn nước kết hợp giữa cấp nước và thủy lợi. Tập trung khai thác nước mặt hệ thống sông Đồng Nai, sông Srêpôk và các hồ. Hạn chế tiến tới chấm dứt việc khai thác nguồn nước ngầm.

- Cấp nước đô thị: Xây dựng hệ thống cấp nước hoàn chỉnh cho các đô thị trung tâm vùng, trung tâm các tiểu vùng và các đô thị loại IV trở lên; đảm bảo 100% dân số sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn vệ sinh. Tổng nhu cầu dùng nước tại các đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 khoảng 249.200 m³/ngày đêm, đến năm 2035 khoảng 334.100 m³/ngày đêm, đến năm 2050 khoảng 414.400 m³/ngày đêm.

- Thành phố Đà Lạt: Đến năm 2050 nâng công suất cấp nước nhà máy nước Đankia lên 62.800 m³/ngày đêm và nhà máy nước hồ Tuyên Lâm công suất dự kiến 20.000 m³/ngày đêm. Dự kiến nguồn nước mặt để phục vụ sinh hoạt cho thành phố được chuyển tải từ khu vực Bidoup - Núi Bà và khu vực thượng nguồn hồ Đan kia.

- Thành phố Bảo Lộc: Đến năm 2050 với công suất sử dụng dự kiến là 84.000 m³/ngày đêm, khi đó chấm dứt khai thác nguồn nước ngầm, nâng công suất nhà máy cấp nước hồ Nam Phương lên 30.000 m³/ngày đêm; xây dựng thêm nhà máy nước tại hồ Lộc Thanh, hồ Mai Thành xã Lộc Tiến.

- Đô thị Đức Trọng: Xây dựng nhà máy nước tại hồ Đại Ninh công suất đến năm 2050 là 66.500 m³/ngày đêm.

- Nâng cấp và xây dựng mới các nhà máy nước tại các đô thị.

- Cấp nước nông thôn: Tiếp tục sử dụng các công trình cấp nước theo chương trình nước sinh hoạt hợp vệ sinh môi trường nông thôn đang triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Cấp nước các khu công nghiệp: Nâng cấp và xây dựng mới các nhà máy nước tại các khu công nghiệp.

d) Cấp điện:

- Tổng công suất điện yêu cầu toàn tỉnh đến năm 2025 khoảng 615.82 MW, năm 2035 khoảng 884.03 MW.

- Nguồn điện: Nguồn điện cấp điện chính cho tỉnh Lâm Đồng là nguồn điện lưới quốc gia qua các tuyến và trạm biến thế 220 KV, 110 KV. Nguồn điện tại chỗ là nhà máy điện Đa Nhim.

- Lưới điện: Xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện Krông Nô, Yan Tanh Sienn, Đa Nhim Thượng,... ; nâng công suất trạm 500/220 KV Di Linh, 220/110 KV Bảo Lộc. Xây dựng trạm 220/110 KV Đức Trọng. Nâng cấp các trạm 110/22 KV hiện hữu.

- Năng lượng khác: phát triển các nguồn năng lượng tái tạo như: năng lượng mặt trời, năng lượng gió, biogas.

e) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Thoát nước thải đô thị và công nghiệp:

+ Lưu lượng nước thải các đô thị tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025 khoảng 129.500 m³/ngày đêm, năm 2035 khoảng 183.600 m³/ngày đêm và đến năm 2050 khoảng 223.600 m³/ngày đêm.

+ Đối với các đô thị đang sử dụng hệ thống công thoát nước chung (nước mưa và nước thải sinh hoạt): Xây dựng hệ thống thoát nước chung một nửa (có công bao tách nước thải và trạm xử lý nước thải), xây dựng các hố ga tách dòng để thu gom nước thải về khu xử lý nước thải.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước thải và nước mưa riêng biệt, có trạm xử lý nước thải tập trung cho các khu vực xây dựng mới.

+ Nước thải sinh hoạt tại các đô thị phải được xử lý đạt tiêu chuẩn hiện hành trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

+ Nước thải sinh hoạt tại các đô thị dự kiến phát triển, cụm dân cư tập trung quy mô nhỏ sẽ được xử lý bằng phương pháp tự làm sạch tại các hồ sinh học.

+ Trong các khu, cụm công nghiệp, xây dựng hệ thống thoát nước thải và nước mưa riêng biệt, xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung. Nước thải phải được xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định trước thoát vào hệ thống thoát nước của khu vực. Nước thải của các xí nghiệp, nhà máy có mức độ độc hại cao cần phải được xử lý sơ bộ đến tiêu chuẩn cho phép trước khi xử lý tập trung.

- Quản lý chất thải rắn (CTR):

+ Lượng rác thải sinh hoạt toàn tỉnh đến năm 2025 khoảng 800 tấn/ngày, đến năm 2035 khoảng 1.100 tấn/ngày và đến năm 2050 khoảng 1.500 tấn/ngày.

+ Khu xử lý chất thải rắn cấp vùng tỉnh: Xây dựng 3 khu xử lý với tổng diện tích 64 ha gồm: Khu xử lý Xuân Trường tại thành phố Đà Lạt (28 ha); Khu xử lý Đại Lào tại thành phố Bảo Lộc (25 ha) và Khu xử lý Tân Thành tại huyện Đức Trọng (11 ha).

+ Khu xử lý chất thải rắn cấp vùng huyện: Xây dựng 10 khu xử lý với tổng diện tích 97,8 ha tại thị trấn Lạc Dương (huyện Lạc Dương); xã Ka Đô (huyện Đơn Dương); thị trấn Đinh Văn (huyện Lâm Hà); xã Rô Men (huyện Đam Rông); xã Gia Hiệp và xã Liên Đàm (huyện Di Linh); xã Lộc Phú (huyện Bảo Lâm); thị trấn Madaguôi (huyện Đạ Huoai); xã Đạ Kho (huyện Đạ Tẻh); xã Phù Mỹ (huyện Cát Tiên). Dự kiến điều chỉnh quy hoạch để xử lý lượng chất thải rắn của 3 huyện phía nam tại xã Đạ Kho (huyện Đạ Tẻh).

+ Đóng cửa bãi chứa rác thải tại Cam Ly, thành phố Đà Lạt. Hoàn thiện và bổ sung lò đốt chất thải nguy hại tại nhà máy Xuân Trường (thành phố Đà Lạt); hoàn thiện nhà máy xử lý chất thải rắn tại xã Đại Lào để xử lý đúng công suất 200 tấn/ngày. Đầu tư xây dựng nhà máy tại xã Tân Thành (huyện Đức Trọng). Từng bước thay thế lò đốt CTR y tế bằng hệ thống hấp, khử khuẩn theo công nghệ vi sóng tại trung tâm y tế các huyện.

- Nghĩa trang: Trên cơ sở định hướng quy hoạch vùng, quy mô nghĩa trang được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn hiện hành, trong đó:

Nghĩa trang cấp vùng tỉnh:

+ Thành phố Đà Lạt: Nghĩa trang tại xã Xuân Thọ (khoảng 50 ha) và xã Tà Nung (khoảng 50 ha) phục vụ cho thành phố Đà Lạt, đô thị Đức Trọng, huyện Đơn Dương, Lạc Dương và các đô thị xung quanh.

+ Thành phố Bảo Lộc: Bố trí nghĩa trang tại thành phố Bảo Lộc (quy mô khoảng 48 ha) phục vụ cho khu vực thành phố Bảo Lộc, đô thị Di Linh, huyện Bảo Lâm, Đạ Tẻh, Đạ Huoai và các đô thị xung quanh.

+ Khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng tại các nghĩa trang.

Nghĩa trang cấp vùng huyện: Xây dựng nghĩa trang riêng (quy mô khoảng 10 - 20 ha), chủ yếu là địa táng kết hợp với hỏa táng với công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu cho dân cư thị trấn, các đô thị và các xã trên địa bàn trong tương lai.

Nghĩa trang nông thôn: Xây dựng nghĩa trang (quy mô khoảng 2 - 5 ha) phục vụ các điểm dân cư nông thôn nằm gần nhau (bán kính nhỏ hơn 3 km).

8. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường, hạn chế các tác động xấu đến môi trường trong quá trình phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch. Xác định các

khu vực cần bảo vệ môi trường, tăng cường sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái chế, hạn chế các nguồn gây ô nhiễm, phát thải gây hiệu ứng nhà kính và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Các đô thị lớn, vùng phát triển công nghiệp tập trung cần được cách ly với các khu dân cư, các khu bảo tồn bằng các hành lang xanh. Khuyến khích phát triển giao thông công cộng để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm do giao thông.

- Bảo tồn nghiêm ngặt các khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài/sinh cảnh, rừng phòng hộ để bảo vệ nguồn nước, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu. Bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, các hành lang xanh dọc các sông, hồ,... Hạn chế các hoạt động phát triển làm biến đổi dòng chảy, biến đổi địa hình gây mất an toàn đối với các khu dân cư và cơ sở hạ tầng.

- Bảo vệ, trùng tu và khai thác các di tích văn hóa lịch sử, danh thắng, phát huy giá trị văn hóa lịch sử, cảnh quan danh thắng. Bảo tồn cảnh quan đô thị di sản tại thành phố Đà Lạt.

- Xây dựng các chương trình quản lý tổng hợp các lưu vực sông trong vùng; xây dựng chương trình kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải từ các đô thị, khu, cụm công nghiệp, giao thông vận tải; xây dựng hệ thống giám sát chất lượng môi trường vùng, hệ thống quan trắc, cảnh báo sớm tác động của biến đổi khí hậu như cảnh báo nước sông dâng lên bất thường, hạn hán kéo dài.

9. Tổ chức thực hiện theo cơ chế quản lý phát triển vùng:

- Phát huy nội lực, đẩy mạnh việc thu hút đầu tư trong và ngoài nước; tranh thủ các nguồn lực từ Trung ương để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội; hỗ trợ thúc đẩy các nguồn lực đầu tư về giao thông, các khu công nghiệp, khu du lịch, đô thị.

- Quản lý thống nhất các quy hoạch ngành trong toàn tỉnh để tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính và đất đai. Quản lý đô thị theo phân cấp và có sự tham gia của các cơ quan quản lý chuyên môn để lựa chọn đầu tư.

- Lập kế hoạch để triển khai thực hiện quy hoạch vùng gồm các chương trình quảng bá, giới thiệu quy hoạch, kêu gọi đầu tư. Các hoạt động đầu tư cần có sự thống nhất, tuân thủ các vùng chức năng đã được xác định trong quy hoạch vùng.

- Lập quy định quản lý vùng để quản lý phát triển theo nội dung quy hoạch vùng, trong đó xác lập những yêu cầu về quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật để quản lý các quy hoạch xây dựng đô thị, dự án đầu tư xây dựng.
